TÒA ÁNH NHÂN DÂN **HUYỆN LẠNG GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc L – Tự do – Hạnh phúc**

Án số: 66/2019/DS-ST
Ngày 22/11/2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngữ
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Thanh Bình
Ông Dương Minh Thiết

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Cường – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Toàn – Kiểm sát viên .

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 60/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 142/2019/QĐST-DS ngày 30/10/2019, giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Ngọc Ng, sinh năm 1973; (có mặt)
Trú tại thôn S, xã T, huyện Lạng Giang, Bắc Giang.

+ **Bị đơn:** 1. Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1964; (vắng mặt)
2. Chị Phạm Thị L, sinh năm1974; (vắng mặt)
3. Chị Nguyễn Thúy Q, sinh năm 1997 (vắng mặt)
Trú tại: Khu 2, TT K, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

+ **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan**: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1974; Trú tại: S, xã T, huyện Lạng Giang, Bắc Giang. (Do anh Nguyễn Ngọc Ng đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 14/6/2019)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc Ng trình bày:

Anh và vợ chồng anh V, chị L, chị Nguyễn Thúy Q (chị Q là con gái anh V, chị L) có quan hệ hàng xóm láng giềng nên anh đã cho anh V, chị L, cháu Q vay tiền 3 lần, cụ thể như sau:

- Ngày 28/4/2017 chị L vay 100.000.000đ, khi vay hai bên có L biên bản và chị L ký vào phần người vay tiền, không thỏa thuận lãi suất và hẹn ngày 10/5/2017 trả cả gốc và lãi

- Ngày10/12/2017 chị L vay 20.000.000đ, khi vay hai bên có L biên bản và chị L ký vào phần người vay tiền, không thỏa thuận lãi suất và hẹn ngày 10/01/2018 trả cả gốc và lãi

- Ngày 11/01/2018 chị Q vay 100.000.000đ, khi vay hai bên có L biên bản và chị Q ký vào phần người vay tiền, không thỏa thuận lãi suất và hẹn ngày 11/2/2018 trả cả gốc và lãi. Khi vay chị Q có để lại một xe SH màu trắng BKS 98B2 – 673.50 để làm tin.

Đã quá thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận, mặc dù đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng vợ chồng anh V, chị L, chị Q không thanh toán trả. Nay anh đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh V, chị L, chị Q phải thanh toán trả anh 220.000.000đ tiền gốc vay và tiền lãi của số tiền vay đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa anh vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Anh Nguyễn Văn V là bị đơn trình bày:

Vợ anh là Phạm Thị L vay 120.000.000đ của anh Ng khi nào anh không được biết, anh không được sử dụng số tiền trên và anh cũng không ký vào bất kỳ giấy vay tiền nào của anh Ng. Vì vậy anh Ng yêu cầu anh phải thanh toán số tiền 220.000.000đ và lãi suất anh không đồng ý.

Anh V vắng mặt tại phiên tòa ngày 30/10/2019 và phiên tòa ngày 22/11/2019 không có lý do.

Chị Phạm Thị L là bị đơn trình bày:

Do có quan hệ là bạn bè (vợ anh Ng là bạn học với chị) chị có vay của vợ chồng anh Ng, chị H số tiền 120.000.000đ. Khi vay hai bên có L biên bản, có hẹn thời hạn trả, lãi suất do hai bên thỏa thuận miệng với nhau là 1.500đ/1 triệu/ 1 ngày. Sau khi vay chị đã trả lãi theo thỏa thuận đến hết tháng 12/2018 âm lịch. Khi vay thì chị không bàn bạc gì với chồng chị là anh V nên anh V không hề biết và cũng không được sử dụng số tiền trên. Nay anh Ng yêu cầu vợ chồng chị thanh toán trả 120.000.000đ cùng lãi suất từ khi vay đến khi xét xử, thì chị đồng ý chịu trách nhiệm 1 mình, không liên quan đến anh V. Đối với số tiền 100.000.000đ mà con gái chị là Nguyễn Thúy Q vay vợ chồng anh Ng thì chị đồng ý chịu trách nhiệm liên đới cùng cháu Q.

Chị L vắng mặt tại phiên tòa ngày 30/10/2019 và phiên tòa ngày 22/11/2019 không có lý do.

Chị Nguyễn Thúy Q là bị đơn trình bày:

Đầu năm 2017, do cần vốn kinh doanh nên mẹ chị là Phạm Thị L có đứng ra vay hộ 100.000.000đ của anh Ng. Khi vay hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 1.500đ/ 1 triệu/ 1 ngày, chị và mẹ đã trả lãi theo thỏa thuận đến hết tháng 12/2018 âm lịch, số tiền gốc vẫn nợ lại đến nay chưa thanh toán.

Cuối năm 2017 thì chị có trực tiếp vay của anh Ng 100.000.000đ, khi vay hai bên có L giấy vay tiền, lãi suất thỏa thuận là 1.500đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Khi vay chị có để lại cho anh Ng giữ chiếc xe mô tô SH BKS 98H1-673.50. Sau khi vay chị đã trả lãi cho anh Ng như đã thỏa thuận đến hết tháng 12/2018, chưa trả tiền gốc.

Nay anh Ng yêu cầu chị thanh toán trả số tiền gốc còn nợ và tiền lãi từ khi vay đến khi xét xử xong vụ án chị đồng ý nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chị xin được trả dần.

Chị vắng mặt tại phiên tòa ngày 30/10/2019 và phiên tòa 22/11/2019 không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tại phiên toà phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật.

+ Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án chấp hành pháp luật.

+ Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tham gia về phía bị đơn chấp hành không đầy đủ, vắng mặt tại phiên tòa.

- Về hướng giải quyết về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 26, 35, 39, 147, 160; 161; 228 ; 271, 273 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc chị Phạm Thị L có trách nhiệm thanh toán trả vợ chồng anh Nguyễn Ngọc Ng số tiền 120.000.000đ tiền gốc và tiền lãi tính đến hết ngày 22/11/2019.

- Buộc chị Phạm Thị L, chị Nguyễn Thúy Q phải liên đới thanh toán trả vợ chồng anh Nguyễn Ngọc Ng số tiền 100.000.000đ tiền gốc và tiền lãi tính đến hết ngày 22/11/2019.

Ngoài ra đại diện VKS còn đề nghị Tòa án buộc chị L, chị Q phải chịu tiền án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1]. Về tố tụng:

- Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 28/4/2017 chị L vay tiền của vợ chồng anh Ng và hẹn sau 1 tháng thanh toán cả gốc và lãi nhưng sau đó chưa thanh toán.Căn cứ Điều 429 Bộ luật dân sự 2015 thì thời hiệu khởi kiện về hợp đồng vay tài sản vẫn còn nên yêu cầu của anh Ng về tiền vay gốc và tiền lãi là có căn cứ, cần được xem xét.

- Về tính hợp pháp của giấy ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Thu H là người có quyền lợi liên quan tham gia về phía nguyên đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nhưng đã có văn bản ủy quyền cho anh Nguyễn Ngọc Ng.Giấy ủy quyền đã được chứng thực ngày 14/6/2019 tại UBND xã Tân Thịnh, do đó việc ủy quyền là hợp pháp.

- Về sự vắng mặt của các đương sự:

Chị Nguyễn Thị Thu H là người có quyền lợi liên quan tham gia về phía nguyên đơn, vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có văn bản ủy quyền cho anh Nguyễn Ngọc Ng tham gia tố tụng.

Chị Phạm Thị L, anh Nguyễn Văn V, chị Nguyễn Thúy Q là bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tống đạt các văn bản, quyết định của Tòa

án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt tại phiên tòa ngày 30/10/2019; 22/11/2019 không có lý do.

Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố Tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị L, anh V, chị Q.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào các lời khai và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì thấy ngày 28/42017 và ngày 10/12/2017 chị Phạm Thị L có vay 120.000.000đ của vợ chồng anh Nguyễn Ngọc Ng, khi vay hai bên có L biên bản, có hẹn ngày trả. Tuy nhiên đã quá thời hạn hẹn trả ghi trong giấy vay tiền nhưng chị L chưa trả số tiền trên nên anh Ng yêu cầu trả là có căn cứ, HĐXX chấp nhận.

Tuy nhiên, anh Ng yêu cầu vợ chồng anh V, chị L phải có trách nhiện thanh toán nợ, HĐXX thấy rằng: Trong 02 giấy vay tiền không có chữ ký của anh Nguyễn Văn V. Lời khai của chị L, anh V, chị Q đều cho thấy chị L vay tiền giúp chị Q mà anh V không được bàn bạc hay sử dụng số tiền chị L đã vay. Anh Nguyễn Ngọc Ng cũng không cso chứng cứ gì chứng minh anh V tham gia vay hoặc sử dụng số tiền chị L đã vay. Do đó HĐXX không buộc anh V phải có trách nhiệm trả 120.000.000đ cùng chị L.

Giấy nhận nợ - vay tiền ngày 11/01/2018 của chị Nguyễn Thúy Q vay 100.000.000đ, có chữ ký của chị Q và chị L ở phần "người vay tiền". Căn cứ vào lời khai của chị L và chị Q và biên bản hòa giải ngày 02/8/2019, HĐXX thấy rằng chị L và chị Q thỏa thuận cùng có trách nhiệm liên đới trả vợ chồng anh Ng, anh Ng đồng ý với sự thỏa thuận trên. Do đó HĐXX buộc chị L và chị Q phải liên đới thanh toán trả cho vợ chồng anh Ng số tiền gốc vay là 100.000.000đ và lãi; cụ thể mỗi người phải chịu trách nhiệm trả 50.000.000đ số tiền gốc và lãi.

[3]. Về lãi suất cho vay:

Anh Nguyễn Ngọc Ng yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả lãi của số tiền còn nợ theo quy định của pháp luật, được trừ đi số tiền 4.500.000đ chị L đã trả, HĐXX xét thấy:

- Về mức lãi suất: Chị L và chị Q cho rằng lãi suất do hai bên thỏa thuận miệng với nhau với mức 1.500đ/1 triệu/ 1 ngày, chị đã trả tiền lãi đến hết 30/12/2018 âm lịch nhưng anh Ng không thừa nhận. Mặc dù Tòa án đã yêu cầu chị L và chị Q cung cấp chứng cứ chứng minh là đã trả lãi cho anh Ng nhưng không cung cấp được chứng cứ gì. Do đó chị L, chị Q phải chịu trách nhiệm về việc không chứng minh được theo quy định tại khoản 2, 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thời điểm tính lãi: HĐXX thấy rằng trong các giấy nhận nợ - vay tiền do nguyên đơn cung cấp thì các đương sự không thỏa thuận lãi suất nhưng có hẹn thời hạn trả. Vì vậy , HĐXX chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn kể từ ngày đến hạn thanh thoán nhưng bị đơn không thanh toán.

- Về mức lãi suất: Trong các giấy vay tiền các đương sự không thỏa thuận về mức lãi suất, các đương sự có tranh chấp về lãi suất nên HĐXX buộc bị đơn phải chịu mức lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 là 10%/năm.

HĐXX tính lãi của số tiền còn nợ như sau:

+ Lãi suất 10% đối với số tiền gốc 100.000.000đ tính từ ngày 11/5/2017 đến ngày 22/11/2019 = 30 tháng 11 ngày = 25.305.500đ – 4.500.000đ = 20.805.500đ .

+ Lãi suất 10% đối với số tiền gốc 20.000.000đ tính từ ngày 11/01/2018 đến ngày 22/11/2019 = 22 tháng 11 ngày = 3.727.700đ.

+ Lãi suất 10% đối với số tiền gốc 100.000.000đ tính từ ngày 12/2/2018 đến ngày 22/11/2019 = 21 tháng 10 ngày = 17.777.700đ.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên chị Phạm Thị L, chị Nguyễn Thúy Q phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

[1]. Điều luật áp dụng:

- Áp dụng các Điều 288, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Áp dụng các Điều 26, 35; 39, 147, 160, 161, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

[2]. Xử:

- Buộc chị Phạm Thị L phải trả cho vợ chồng anh Nguyễn Ngọc Ng, chị Nguyễn Thị Thu H 120.000.000đ tiền gốc và 24.533.200đ tiền lãi tính đến hết ngày 22/11/2019.
- Buộc chị Phạm Thị L và chị Nguyễn Thúy Q phải liên đới trả cho vợ chồng anh Nguyễn Ngọc Ng, chị Nguyễn Thị Thu H 100.000.000đ tiền gốc và 17.777.700đ tiền lãi tính đến hết ngày 22/11/2019 (chị Phạm Thị L và chị Nguyễn Thúy Q mỗi người phải trả cho vợ chồng anh Nguyễn Ngọc Ng, chị Nguyễn Thị Thu H 50.000.000đ tiền gốc và 8.888.800đ tiền lãi tính đến hết ngày 22/11/2019).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

[3]. Án phí: Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chị Phạm Thị L phải chịu 7.226.700đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Phạm Thị L, chị Nguyễn Thúy Q phải liên đới chịu 5.888.900đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả anh Nguyễn Ngọc Ng số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.500.000 đồng tại biên lai thu số AA/2018/0007143 ngày 06/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

[4]. Về quyền kháng cáo:

Báo cho đương sự có mặt biết có thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án.

Án xử công khai sơ thẩm.

***Nơi nhận*:**
-*VKSND huyện Lạng Giang*;
-*THADS huyện Lạng Giang;*
-*Tòa án tỉnh Bắc Giang*
-*Các đương sự;*
-*Lưu*.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SO THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Ngữ